

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 179/2020/HS-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NÚ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Công TÚ và ông Bùi Thanh Bình

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020, theo Quyết Đ2 đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 166/2020/HSST- QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh ngày 06/11/1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn 6 B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc Tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 9/12; đoàn thể, Đảng phái: Không; con ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị X; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động bản thân: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 140/2012/HSST ngày 16/8/2012, Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt Lương Văn T 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (ngày 18/3/2014 thi hành xong án phạt tù, ngày 25/12/2012 thi hành xong án phí hình sự); bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2020 đến nay (có mặt).

Bị hại: - Anh Khổng Văn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Triệu Tá S, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

- Anh Đồng Văn U, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Đồng Văn Thỏa, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Cao Kiên Đ2, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/7/2020 đến ngày 01/8/2020, bị cáo Lương Văn T đã thực hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên. Cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Đầu tháng 7/2020, Lương Văn T đến Công trường xây dựng khu đô thị VCI thuộc xã Đ2 Trung, thành phố V gặp anh Nguyễn Hữu C (Tổ trưởng tổ xây dựng của Công ty Q) hiện đang thầu xây dựng Công trường khu đô thị VCI để xin làm công nhân xây dựng. Anh C đồng ý nhận T vào làm thợ xây và xếp T ở cùng anh Khổng Văn Đ và anh Triệu Tá S. Tối ngày 09/7/2020, T và anh Đ, anh S cùng ngủ tại giường gỗ kê tại góc bên trái hướng từ cửa đi vào ở tầng 1, nhà lô số 31 của Khu đô thị VCI. Đến khoảng 03 giờ ngày 10/7/2020, T tỉnh dậy, quan sát thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 của anh Đ và chiếc điện thoại Nokia màu đen, chiếc điện thoại Sony Z5 của anh S để ở đầu giường. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp 03 chiếc điện thoại trên đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T cầm 03 chiếc điện thoại trên cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi bỏ đi. T đi bộ dọc theo đường Chùa Hà hướng đi Góc Vòng, trên đường đi, T gặp 01 nam giới (không biết tên, tuổi, địa chỉ) đang điều khiển xe máy đi trên đường. T đã bán cho người nam giới này chiếc điện thoại Oppo A31 với giá 400.000đ. Đến sáng ngày 11/7/2020, khi đang đi trên đường Trần Phú, phường Liên Bảo, thành phố V, T gặp và bán cho 01 người nam giới (không biết tên, tuổi, địa chỉ) đang điều khiển xe máy đi trên đường chiếc điện thoại Nokia màu đen và chiếc điện thoại Sony Z5 với giá 500.000đ. Số tiền 900.000đ T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/7/2020, anh Khổng Văn Đ và anh Triệu Tá S đã trình báo sự việc trên đến Công an thành phố V.

Tại kết luận định giá số 145 ngày 28/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS của UBND thành phố V kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 có giá 1.300.000đ; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 2 có giá 1.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z5 có giá 800.000đ. Tổng trị giá tài sản định giá là 3.100.000đ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 08 giờ ngày 26/7/2020, Lương Văn T đến Công trình xây dựng nhà ở tại số nhà 3, đường N, phường L, thành phố V gặp anh Đỗ Tiến Tr (chủ nhà) để hỏi xin làm thợ xây, anh Tr đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 01/8/2020, T đến nhà anh Tr để làm việc, nhưng do đến muộn nên không được vào làm, T ngồi chờ ở tầng 1 để đợi đến ca làm việc buổi chiều. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, T đi lên tầng 3 để dọn dẹp thì phát hiện 03 chiếc điện thoại, gồm: 01 điện thoại Samsung J7 màu đen của anh Cao Kiên Đ2; 01 điện thoại Samsung A7 Prime màu đen của anh Đồng Văn U và 01 điện thoại Samsung J4 màu vàng của anh Đồng Văn T trong một xô nhựa màu xanh ở góc cạnh hành lang lên xuống, trƯ cửa nhà vệ sinh. Quan sát thấy các thợ xây làm việc trên mái tum, khu vực tầng 3 không có người nên T nảy sinh ý định trộm cắp 03 chiếc điện thoại trên đem bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến vị trí để 03 chiếc điện thoại trên rồi lấy và cất giấu vào

túi quần đang mặc, sau đó đi ra khỏi công trình tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, chưa kịp tiêu thụ 03 điện thoại này thì Tiến bị Công an phường L, thành phố V kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản sự việc thu giữ của T 03 chiếc điện thoại nêu trên.

Ngày 01/8/2020, anh Đỗ Tiến Tr (chủ nhà) đã trình báo sự việc trên đến Công an phường L, thành phố V.

Tại kết luận định giá số 132 ngày 07/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS của UBND thành phố V kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 có giá 3.000.000đ; 01 điện thoại Samsung A7 Prime có giá 1.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 có giá 3.200.000đ. Tổng trị giá tài sản định giá là 7.200.000đ.

Tại Cáo trạng số: 41/CT- VKSVY ngày 12/3/2020, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại là anh Khổng Văn Đ có mặt tại phiên tòa và các bị hại khác vắng mặt tại phiên tòa đều đã khai nhận như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Xác nhận Công an thành phố V đã thu và trả cho anh Cao Kiên Đ2 01 điện thoại Samsung J7; anh Đồng Văn U 01 điện thoại Samsung A7; anh Đồng Văn Thoả điện thoại Samsung J4; buộc Lương Văn T phải bồi thường cho anh Khổng Văn Đ số tiền 1.300.000đ; anh Triệu Tá S số tiền 1.800.000đ.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN Đ2 CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ2 như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lương Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 10/7/2020, tại nhà lô số 31, khu đô thị VCI thuộc xã Đ2 Trung, thành phố V, bị cáo Lương Văn T lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản

đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại Oppo A31 (trị giá 1.300.000đ) của anh Không Văn Đ; 01 chiếc điện thoại Nokia 2 (trị giá 1.000.000đ) và 01 chiếc điện thoại Sony Z5 (trị giá 800.000đ) của anh Triệu Tá S (tổng trị giá tài sản là 3.100.000đ) và khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/8/2020, tại Nhà số 3, đường Ngô Gia Tự, phường Liên Bảo, thành phố V, Lương Văn T đã trộm cắp 01 điện thoại Samsung J7 (trị giá 3.200.000đ) của anh Cao Kiên Đ2; 01 điện thoại Samsung A7 (trị giá 1.000.000đ) của anh Đồng Văn U; 01 điện thoại Samsung J4 (trị giá 3.000.000đ) của anh Đồng Văn Thoả (tổng trị giá tài sản là 7.200.000đ).

Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy Đ2 tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui Đ2:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy Đ2 tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

TrƯ khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội phạm khác, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật không biết ăn năn hối cải. Ngoài ra, Bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy Đ2 tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khi quyết Đ2 hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản trƯ đó để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy Đ2 tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất Đ2 mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với những người liên quan:

Đối với 02 người nam giới đã mua 03 chiếc điện thoại trên của bị cáo. Bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của những người này. Quá trình điều tra không xác định được người mua nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại Oppo A31 là tài sản hợp pháp của anh Đ và chiếc điện thoại Nokia màu đen, chiếc điện thoại Sony Z5 là tài sản hợp pháp của anh S. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được, anh Đ và anh S yêu cầu bị cáo Lương Văn T bồi thường cho anh Đ và anh S theo giá trị tại kết luận Đ2 giá tài sản là 1.300.000đ và 1.800.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường nhưng chưa có điều kiện để bồi thường nên cần chấp nhận theo yêu cầu bồi thường của anh Đ và anh S là phù hợp.

Đối với 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại J4 màu vàng của anh Đồng Văn T, 01 điện thoại A7 Prime màu đen của anh Đồng Văn U và 01 điện thoại J7 màu đen của anh Cao Kiên Đ. Ngày 20/8/2020, Công an thành phố V đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu. Anh T, anh U và anh Đ2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy Đ2 của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ2:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 25/8/2020).

2. Áp dụng khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lương Văn T bồi thường cho anh Không Văn Đ số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) và bồi thường cho anh Triệu Tá S số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy Đ2 tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết Đ2 được thi hành theo quy Đ2 tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền T thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ2 tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ2 tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

6. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Mâu Văn Mùi